

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 101/2022/HSST

Ngày: 16-8-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công T

Bà Nguyễn Thị Bắc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2022/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HS ngày 01-8-2022 đối với bị cáo:

NGUYỄN HỮU QUỐC T (tên gọi khác: X), sinh năm 1994 tại Gia Lai; nơi đăng ký HKTT: Số 169B H, phường D, thành phố P, tỉnh G; chỗ ở trước khi bị bắt: Số 246/15 P, phường H, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1969; hiện trú tại: Số 79/20 P, phường Y, thành phố P, tỉnh G và bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1973; hiện trú tại: Số 246/15 P, phường H, Tổ 3, thành phố P, tỉnh G; bị cáo có 02 em ruột; bị cáo chưa có vợ.

Về nhân thân: Ngày 27/8/2013, bị Tòa án nhân dân TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 123/2013/HSST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 01/02/2017, chấp hành xong hình phạt tù (bị cáo đã được xóa án tích).

Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T bị tạm giữ từ ngày 26-3-2022 đến ngày 29-3-2022, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku. Có mặt.

- Bị hại:

Bà Ngô Thị Thùy L, sinh năm 1968; địa chỉ: 66 T, phường D, thành phố P,

tỉnh G. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1982; địa chỉ: 537B L, phường T, thành phố P, tỉnh G; Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

NGUYỄN HỮU QUỐC T là người đã bị kết án tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; năm 2017, T chấp hành xong hình phạt tù và hiện đã được xóa án tích. Năm 2020, T làm lái xe ô tô thuê cho bà Ngô Thị Thùy L (sinh năm 1968, trú số 66 đường Trần Quang K, Tổ 03 phường D, TP.P, tỉnh G) và được bà L giao điều khiển xe ô tô tải hiệu Giải Phóng, biển số 81M-1621 chở hàng bánh kẹo đi giao cho các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn TP.P; khi giao xe ô tô 81M-1621 cho T điều khiển, bà L giao cho T giữ giấy Chứng nhận đăng ký xe và giấy Chứng nhận kiểm định xe. Ngày 02/7/2021, như thường lệ T điều khiển xe ô tô tải 81M-1621 của bà L chở bánh kẹo đi giao cho các cửa hàng tạp hóa. Thời điểm này, do cần tiền để tiêu xài cá nhân, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô 81M-1621 của bà L mang đi cầm cố để lấy tiền. Sau khi đi giao hàng bánh kẹo, T điều khiển xe ô tô 81M-1621 đến cơ sở cầm đồ Hoàng Đ (số 223 đường L, phường P, TP.P, tỉnh G) gặp ông Nguyễn Đình P (sinh năm 1982, trú số 537B đường L, Tổ 01 phường T, TP.P – là chủ cơ sở cầm đồ Hoàng Đ) đề nghị cầm cố xe. T thỏa thuận giao xe ô tô 81M-1621, giấy Chứng nhận đăng ký xe, giấy Chứng nhận kiểm định xe và giấy Chứng minh nhân dân mang tên NGUYỄN HỮU QUỐC T cho ông P, hẹn đến ngày 09/7/2021 T sẽ trả tiền cho ông P và chuộc lại xe ô tô 81M-1621. Ông P đồng ý nhận cầm cố xe ô tô 81M-1621 với số tiền 18.000.000 đồng, đồng thời hướng dẫn anh Nguyễn Nhật Nam (sinh ngày 05/02/2002, trú Thôn 08, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai – là nhân viên cơ sở cầm đồ) làm thủ tục nhận cầm cố xe ô tô 81M-1621 và giao tiền cho T. Số tiền 18.000.000 đồng cầm cố xe ô tô 81M-1621 mà có, T sử dụng tiêu xài cá nhân, rồi bỏ trốn và cắt đứt liên lạc với bà L. Tối ngày 02/7/2021, do không thấy T điều khiển xe ô tô 81M-1621 quay về, bà L nhiều lần gọi điện thoại cho T, nhưng không liên lạc được. Nghi ngờ T đã chiếm đoạt xe ô tô 81M-1621 của mình, ngày 03/7/2021 bà L đi tìm thì phát hiện xe đã bị T cầm cố tại cơ sở cầm đồ Hoàng Đ. Do sau đó vẫn không liên lạc được với T, nên ngày 16/8/2021 bà L trình báo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P. Qua làm việc với Cơ quan điều tra, ngày 16/8/2022, ông P tự nguyện giao nộp xe ô tô 81M-1621 cùng các giấy tờ xe, giấy Chứng minh nhân dân mang tên NGUYỄN HỮU QUỐC T cho Cơ quan điều tra để xử lý

Bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Qua định giá, xác định tại thời điểm ngày 02/7/2021 xe ô tô nhãn hiệu Giải Phóng, loại xe thùng kín, màu sơn trắng, biển số 81M-1621, số máy 804505203, số khung 8H000370, sản xuất năm 2008, của bà Ngô Thị Thùy L, có trị giá 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng). Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an TP.P đã xử lý trả lại xe ô tô trên cùng với các giấy tờ xe cho bà L.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 109/CT-VKS ngày 06-7-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26-3-2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T phạm tội như sau:

NGUYỄN HỮU QUỐC T làm nghề lái xe ô tô thuê cho bà Ngô Thị Thùy L và được bà L giao điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu Giải Phóng, loại xe thùng kín, màu sơn trắng, biển số 81M-1621 đi giao hàng bánh kẹo trên địa bàn TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai. Lợi dụng sự tin tưởng của bà L khi giao xe ô tô 81M-1621 cùng với giấy Chứng nhận đăng ký, giấy Chứng nhận kiểm định, ngày 02/7/2021 T chiếm đoạt xe ô tô trên mang đi cầm cố cho người khác, lấy số tiền 18.000.000 đồng sử dụng tiêu xài cá nhân, rồi bỏ trốn và cắt đứt liên lạc với bà L. Do nhiều lần liên lạc với T không được, nên bà L trình báo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku. Sau đó, xe ô tô 81M-1621 đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại cho bà L; qua định giá, xác định tại thời điểm bị T chiếm đoạt, xe ô tô biển số 81M-1621 có trị giá 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng). Ngày 26-3-2022, T bị bắt theo Quyết định truy nã.

Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

Quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T là người đã trưởng thành, có nhận thức, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài bất chính, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt xe ô tô của bà L mang đi cầm cố cho người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 43.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng nhưng về nhân thân của bị cáo, ngày 27/8/2013, bị Tòa án nhân dân TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm tù về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là, “Thành khẩn khai báo”, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết bồi thường dân sự cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về dân sự: Sau khi được nhận lại xe ô tô 81M-1621 và các giấy tờ có liên quan, bà Ngô Thị Thùy L không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự. Quá trình điều tra vụ án, bà Nguyễn Thị Bích Ngọc (sinh năm 1973, là mẹ của NGUYỄN HỮU QUỐC T) đã bồi thường cho ông Nguyễn Đình Phong số tiền 18.000.000 đồng mà ông Phong đã chi ra cho T khi nhận cầm cố xe ô tô 81M-1621, ông Phong không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 giấy Chứng minh nhân dân số 230947255 mang tên NGUYỄN HỮU QUỐC T. Xét đây là giấy tờ của bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T. Do đó, cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với ông Nguyễn Đình P, là người nhận cầm cố xe ô tô 81M-1621 do bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T chiếm đoạt của bà Ngô Thị Thùy L, qua điều tra xác định: Khi bị cáo T điều khiển xe ô tô 81M-1621 đến cơ sở cầm đồ của ông P đề nghị cầm cố, thì xe ô tô trên có giấy Chứng nhận đăng ký và giấy Chứng nhận đăng kiểm kèm theo, nên ông P không biết đó là tài sản do T chiếm đoạt trái phép của người khác mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku không xem xét, xử lý về hình sự đối với ông P về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo NGUYỄN HỮU QUỐC T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 3 năm 2022.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử:

Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân số 230947255 mang tên NGUYỄN HỮU QUỐC T.

(Tất cả theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13-7- 2022 giữa Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo: NGUYỄN HỮU QUỐC T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Công an thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Pleiku;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Nhàn

